

MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ VÀO TỈNH NGHỆ AN NHỮNG HẠN CHẾ VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

ThS. ĐẶNG THÀNH CƯỜNG*

Để thực hiện được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, Nghệ An cần phải có một nguồn vốn rất lớn trong khi khả năng tích lũy vốn nội bộ của địa phương còn nhiều hạn chế. Do đó, cần phải thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước. Đây được coi là “cú huých” nhằm giúp Nghệ An thoát khỏi “cái vòng luẩn quẩn” về kinh tế. Đối với tỉnh Nghệ An, thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào tỉnh thời gian qua còn thấp hơn nhiều địa phương trong cả nước, chưa xứng đáng với tiềm năng, lợi thế và nhu cầu của tỉnh. Điều này một phần là do môi trường đầu tư của tỉnh Nghệ An còn nhiều hạn chế. Bài viết này sử dụng phương pháp nghiên cứu so sánh, phân tích, tổng hợp, khảo sát thực tiễn... để đánh giá những hạn chế từ thực trạng về môi trường đầu tư tại tỉnh Nghệ An, từ đó đề xuất ra các giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư để đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư trong thời gian tới.

1. Môi trường đầu tư tỉnh Nghệ An hiện nay

1.1 Cơ sở hạ tầng

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật của Nghệ An

Giao thông đường bộ: Nghệ An có Quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh dài 132 km chạy ngang qua các huyện miền núi trung du, là vùng nguyên liệu tập trung phong phú của Nghệ An; có Quốc lộ 7, 46, 48 là những tuyến đường nối liền phía Đông và Tây của tỉnh với các cửa khẩu sang nước bạn Lào, tuyến giao thông miền Tây Nghệ An dài 226 km nối 3 huyện miền Tây của tỉnh với Thanh Hóa đang được đầu tư trong kế hoạch 2006-2010, cùng với 421 km đường cấp tỉnh và 3.670 km đường cấp huyện tạo ra một mạng lưới giao thông liên hoàn nối các huyện, các vùng kinh tế trong tỉnh với nhau và tỏa ra cả nước cũng như các nước trong khu vực.

Giao thông đường sắt: Nghệ An có 94 km qua 7 ga, đường sắt Bắc - Nam xuyên suốt chiều dài của tỉnh, trong đó Ga Vinh là một trong những ga hành khách và vận chuyển hàng hóa lớn của cả nước và trong tương lai sẽ được nâng cấp thành

ga loại I. Nhánh đường sắt Cầu Giát - Nghĩa Đàn với chiều dài 30 km nối đường sắt Bắc - Nam với vùng cây công nghiệp dài, ngăn ngày và vùng trung tâm vật liệu xây dựng của tỉnh.

Nghệ An có cảng Cửa Lò có thể đón tàu 1,8 vạn tấn ra vào và có khả năng nâng cấp đạt công suất 3,5 triệu tấn vào năm 2010 và 6 - 8 triệu tấn vào năm 2020 cho tàu 3 - 4 vạn tấn vào ra, là tiềm năng lớn cho ngành vận tải biển và xuất nhập khẩu hàng hóa của tỉnh, cho cả khu vực Bắc Trung Bộ đồng thời là cửa ngõ thông ra biển của nước bạn Lào và Đông Bắc Thái Lan. Cảng Cửa Lò nằm giữa 2 cảng nước sâu Nghi Sơn (Thanh Hoá) và Vũng Áng (Hà Tĩnh).

Đường không: Sân bay Vinh đã được nâng cấp và mở rộng để máy bay hiện đại loại lớn có thể lên xuống dễ dàng. Trong tương lai, sân bay Vinh sẽ tiếp tục được nâng cấp, tăng thêm các tuyến nội địa, mở thêm một số tuyến bay đi các nước trong khu vực.

Hệ thống cấp điện: Điện lưới quốc gia đã phủ hết 19 huyện, thành, thị trong tỉnh. Hàng năm

*: Khoa Kinh tế, Đại học Vinh

cung cấp gần 1 tỷ KW và từ 1,5 -1,6 tỷ KW đến năm 2010. Nhiều công trình thủy điện đã và sẽ khởi công xây dựng như nhà máy thủy điện Bản Vẽ, Khe Bố, Bản Cốc, Nhận Hạc và hàng chục nhà máy thủy điện vừa và nhỏ khác đảm bảo cung cấp điện ổn định cho sản xuất và sinh hoạt.

Hệ thống cấp nước: Cung cấp đủ cho các cơ sở sản xuất công nghiệp và cơ bản cho sản xuất nông nghiệp nhờ hệ thống sông ngòi, hồ, đập sẵn có ở Nghệ An và lượng mưa hàng năm tương đối cao so với cả nước. Riêng nước sinh hoạt đô thị vùng đồng bằng, ven biển và các khu công nghiệp (KCN) đều có hệ thống nhà máy nước đảm bảo đủ cung cấp. Nhà máy nước Vinh công suất 60.000m³/ngày, hàng năm cung cấp gần 12 triệu m³ nước sạch cho TP.Vinh và vùng phụ cận; hiện đang chuẩn bị đầu tư xây dựng thêm 1 nhà máy nước để nâng công suất lên 80.000 m³/ ngày. Ngoài 13 nhà máy nước ở các thị xã và thị trấn đang hoạt động, nhà máy nước Quỳnh Lưu và Hưng Nguyên đang được đầu tư nâng công suất và 5 nhà máy nước ở các thị trấn Yên Thành, Nam Đàn, Quế Phong, Tương Dương, Kỳ Sơn sẽ được xây dựng, cùng với hệ thống nước sạch ở nông thôn đảm bảo cung cấp cho 85 – 90% số dân và 100% cơ sở sản xuất công nghiệp và dịch vụ.

Thông tin - viễn thông: Cơ sở vật chất và mạng lưới bưu chính viễn thông hiện đại, với đầy đủ các loại hình dịch vụ có thể đáp ứng nhanh chóng nhu cầu trao đổi thông tin, liên lạc trong nước và quốc tế. Trên địa bàn hiện có mặt hầu hết các mạng điện thoại cố định và di động, phủ sóng hết các huyện, thành, thị trong tỉnh. Đến nay, 100% phường, xã có điện thoại, tỷ lệ số máy điện thoại đạt 23,56 máy/ 100 dân.

Thời gian qua, Nghệ An đã có nhiều nỗ lực huy động nhiều nguồn vốn khác nhau trong xã hội để phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật và ngày càng đầu tư nhiều cho cơ sở hạ tầng đặc biệt là trong giai đoạn 2005-2010, bình quân hàng năm chi cho cơ sở hạ tầng chiếm 80-90% tổng chi đầu tư phát triển cho ngân sách tỉnh. Mặc dù cơ sở hạ tầng đã góp phần quan trọng cho phát triển kinh tế của tỉnh nhưng hiện tại cơ sở hạ tầng vẫn còn nhiều yếu kém, diện năng chưa đáp ứng được hết nhu cầu sản xuất kinh doanh, chất lượng đường xá còn chưa đồng đều... Phát triển cơ sở hạ tầng

tại Nghệ An (chủ yếu là lấy từ vốn ngân sách nhà nước; nguồn vốn ODA, FDI hay các nguồn vốn đầu tư khác trong nước) đang còn hết sức khiêm tốn. Vì vậy, tốc độ phát triển cơ sở hạ tầng diễn ra chậm và cũng là một gánh nặng đối với nhà đầu tư.

- Cơ sở hạ tầng của khu kinh tế (KKT) và các KCN tập trung

Nghệ An có KKT Đông Nam thành lập năm 2008 nhưng mới chỉ phê duyệt quy hoạch chung, chưa phê duyệt quy hoạch chi tiết, cơ sở hạ tầng hầu như chưa triển khai xây dựng, các doanh nghiệp vào đầu tư phải tiến hành đền bù giải toả và san lấp mặt bằng. Đã thành lập 3 KCN: Bắc Vinh, Hoàng Mai và Đông Hồi. Trong đó KCN Bắc Vinh đã cơ bản hoàn thành đầu tư xây dựng hạ tầng và đã lấp đầy 100% diện tích đất KCN, KCN Hoàng Mai đang được triển khai xây dựng. Các KCN: Bắc Vinh, Hoàng Mai, Sông Dinh, Trì Lễ, Đông Hồi, Tân Kỳ, Phú Quý và Nghĩa Đàn được Chính phủ phê duyệt danh mục các KCN dự kiến thành lập mới đến năm 2015, định hướng đến năm 2020. KKT và các KCN tại Nghệ An chủ yếu được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách, chưa huy động được nguồn vốn ngoài ngân sách nên tiến độ triển khai xây dựng hạ tầng không đáp ứng được nhu cầu. Chỉ có duy nhất KCN Hoàng Mai là huy động được nhà đầu tư vào xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN bằng nguồn vốn ngoài ngân sách (hiện tại đang triển khai xây dựng).

Vấn đề xử lý nước thải ở các KCN đã đi vào hoạt động chưa được coi trọng. Nhiều năm liên chất thải trong các KCN vẫn thản nhiên đổ ra bên ngoài, ít có các nhà máy có hệ thống xử lý chất thải đáp ứng điều kiện tiêu chuẩn. Vấn đề bảo vệ môi trường, biện pháp bảo vệ chất thải trong công nghiệp vẫn chưa được đề cập và giải quyết triệt để.

- Dịch vụ tài chính - ngân hàng

Trên địa bàn tỉnh Nghệ An đã có hầu hết các tổ chức tài chính trung gian hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng như: Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, chi nhánh bảo hiểm tiền gửi, chi nhánh quỹ tín dụng nhân dân trung ương tại Nghệ An, quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Với mạng lưới ngân hàng bao gồm 1 hội sở

chính, 20 chi nhánh cấp I, 77 phòng giao dịch, 10 điểm giao dịch, 23 quỹ tiết kiệm và 43 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở trải rộng trên các địa bàn huyện, thành, thị, vùng sâu, vùng xa. Trên địa bàn tỉnh đã cơ bản hình thành được một hệ thống các nhà cung cấp dịch vụ cho ngân hàng vận hành theo cơ chế thị trường, đa dạng hoá về hình thức sở hữu và kinh doanh đa năng. Tốc độ huy động vốn và dư nợ cho vay ngày càng tăng, đã đáp ứng được về vốn cho nhu cầu phát triển như: tổng nguồn vốn huy động năm 2009 đạt 15.967 tỷ đồng, tăng 30,8% so với năm 2006; Năm 2010 đạt 18.216 tỷ đồng, tăng 11% so đầu năm; tổng dư nợ năm 2009 đạt 19.227 tỷ đồng, tăng 24,2% so với năm 2006, trong đó dư nợ trung, dài hạn tăng 61%. Năm 2010 đạt 21.189 tỷ đồng, tăng 11,4% so đầu năm.

Tuy nhiên, dịch vụ ngân hàng được phát triển theo chiều rộng nhưng chưa phát triển mạnh theo chiều sâu... Thiếu nhiều dịch vụ ngân hàng như tư vấn tài chính, tài trợ thương mại quốc tế... chủ yếu là các dịch vụ tín dụng thông thường, hoặc nếu có thì tiện ích dịch vụ chưa cao. Một số dịch vụ ngân hàng đã được cung cấp nhưng chưa được khách hàng quan tâm như: dịch vụ tín dụng tiêu dùng, Dịch vụ tài trợ nội địa đối với doanh nghiệp, dịch vụ ngân quỹ và thanh toán. Đề nghị các ngân hàng cung cấp thêm các dịch vụ tư vấn tài chính, dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế.

1.2 Thể chế công

- Hệ thống pháp luật: Cùng với việc Quốc hội và Chính phủ nỗ lực hoàn thiện hệ thống luật pháp về đầu tư và các luật, văn bản dưới luật liên quan đến hoạt động đầu tư, doanh nghiệp, tỉnh Nghệ An đã triển khai thực hiện khá kịp thời đúng quy định. Tuy nhiên, nhìn chung hiện nay hệ thống pháp luật và các văn bản dưới luật điều chỉnh các vấn đề liên quan đến đầu tư của VN vẫn còn chưa hoàn chỉnh, vẫn còn sự không tương thích giữa các quy định của văn bản luật và dưới luật về đầu tư với các văn bản luật và dưới luật chuyên ngành khác. Ví dụ như sự không thống nhất giữa pháp luật về đầu tư và môi trường, xây dựng... Một số quy định trong các văn bản còn chưa rõ ràng, thiếu cụ thể. Điều này gây ít nhiều khó khăn cho các địa phương nói chung và tỉnh Nghệ An nói riêng trong việc triển khai thực hiện.

- Chính sách: Để đẩy nhanh tốc độ thu hút đầu tư trong và ngoài nước, song song với việc triển khai Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp vào cuộc sống và phát huy lợi thế sẵn có về tài nguyên, con người và hệ thống cơ sở hạ tầng, tỉnh Nghệ An đã chú trọng ban hành nhiều chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư cho các dự án của các nhà đầu tư triển khai trên địa bàn tỉnh. Quan điểm của tỉnh là ngoài các quy định về chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định chung của Trung ương, nhà đầu tư còn được hưởng thêm các chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư theo quy định của tỉnh nhưng không trái quy định của pháp luật. Các chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư của tỉnh chủ yếu vào tập trung hỗ trợ nhà đầu tư trong việc san lấp mặt bằng trong KKT và các KCN, hỗ trợ đường giao thông, đường điện đối với các dự án ngoài KKT và các KCN, hỗ trợ đào tạo lao động... Các chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư tỉnh Nghệ An đã ban hành trong thời gian qua như: Ban hành Quyết định số 101/2007/QĐ-UBND ngày 06/09/2007 quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An, Quyết định số 83/2009/QĐ-UBND ngày 04/09/2009 về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trong KCN nhỏ quy định về chính sách khuyến khích phát triển KCN nhỏ trên địa bàn tỉnh Nghệ An, Quyết định số 05/QĐ-UBND về chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp nông thôn giai đoạn 2008-2010, Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND ngày 04/02/2009 về một số chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn và thủy sản giai đoạn 2009-2010, Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 07/01/2010 của UBND tỉnh Nghệ An về một số chính sách ưu đãi đầu tư trong KKT Đông Nam Nghệ An.

1.3 Điều kiện kinh tế

Cùng với sự phát triển của cả nước trong những năm qua kinh tế tỉnh Nghệ An có những bước phát triển đáng kể. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 2006-2010 vẫn đạt khá (ước đạt 9,54%). GDP bình quân đầu người ước đạt 13,85 triệu đồng năm 2010, cao gấp 2,4 lần năm 2005, là kỳ đạt cao nhất so với các kỳ trước đây. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng nông nghiệp giảm từ 34,41% năm 2005 xuống 28,87%; tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng

Bảng 1. Tốc độ tăng trưởng và cơ cấu kinh tế giai đoạn 2006-2010

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm thực hiện				
		2006	2007	2008	2009	2010
Tốc độ tăng GDP	%	10,24	10,51	10,58	7,13	9,54
GDP bình quân	triệu đồng	6,51	4,47	9,86	12,00	13,85
Cơ cấu kinh tế theo ngành	%	100	100	100	100	100
Nông, lâm, ngư	%	33,05	31,02	30,94	30,47	28,87
Công nghiệp, xây dựng	%	30,35	32,00	32,05	32,07	33,47
Dịch vụ	%	36,6	36,98	37,00	37,46	37,66

Nguồn: Báo cáo chính trị của Ban chấp hành tỉnh Nghệ An khóa 16

tăng từ 29,30% lên 33,47%; tỷ trọng ngành dịch vụ tăng từ 36,29% lên 37,66% năm 2010. Thu ngân sách hàng năm tăng khá (bình quân 2006-2009 tăng 21,7%/năm). Dự ước năm 2011 thu ngân sách đạt khoảng 4.500-5.000 tỷ đồng, tăng hơn 3 lần so với đầu năm 2006... Chi ngân sách được cơ cấu lại hợp lý hơn.

1.4 Nguồn nhân lực

Với dân số trên 3,1 triệu người, Nghệ An là tỉnh có dân số đông thứ tư so với các địa phương khác trong cả nước (sau TP.HCM, Hà Nội và Thanh Hoá). Cộng với truyền thống hiếu học, chịu khó của con người xứ Nghệ, hơn nữa TP.Vinh, tỉnh Nghệ An được Chính phủ xác định, quy hoạch xây thành trung tâm đào tạo nguồn nhân lực của vùng Bắc Trung Bộ, đây có thể được xem là một điều kiện thuận lợi trong việc phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tại Quyết định số 197/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của Nghệ An đến năm 2020 ghi rõ: "Xây dựng Nghệ An thành trung tâm giáo dục đào tạo vùng Bắc Trung Bộ". Để đạt được mục tiêu phát triển kinh tế nói chung, Nghệ An rất coi trọng việc đào tạo phát triển nguồn nhân lực và coi đó là giải pháp cơ bản để đảm bảo việc làm cho lao động trước yêu cầu hội nhập và sự cạnh tranh, phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ ở khu vực và trên thế giới. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã có Nghị quyết chuyên đề về phát triển nguồn nhân lực, với 4 nội dung đề án lớn, đó là: đào tạo bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ, cán bộ cơ sở, cán bộ trẻ có triển vọng; đào tạo công nhân

kỹ thuật; bồi dưỡng doanh nhân và kế hoạch thực hiện giai đoạn 2 (2006-2010). Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo. Theo đó, hệ thống cơ sở giáo dục đào tạo, nhất là giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề đã được chú trọng đầu tư xây dựng nâng cấp phát triển với tốc độ nhanh. Đến nay, Nghệ An có trên 60 cơ sở giáo dục chuyên nghiệp và đào tạo nghề, trong đó có 4 trường đại học với quy mô đào tạo hàng năm trên 35.000 sinh viên, 8 trường cao đẳng, trong đó có 3 trường cao đẳng nghề, 12 trường trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề, 45 trung tâm dạy nghề nằm ở tất cả các huyện, thành, thị trong tỉnh. Trường Đại học Vinh được Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn đầu tư, xây dựng để trở thành trường đại học đạt tiêu chuẩn quốc tế. Với hệ thống cơ sở đào tạo - dạy nghề được quy hoạch phát triển và các chính sách khuyến khích có hiệu quả, hàng năm Tỉnh đã đào tạo cho 4,5-5 vạn lao động từ trình độ sơ cấp nghề đến cao đẳng nghề, nâng tỷ lệ lao động được đào tạo đến nay lên 36,5% so với tổng số lực lượng lao động trên 1,7 triệu người của tỉnh, trong đó tỷ lệ đào tạo nghề đạt 24,5%, tạo nên nguồn lao động được đào tạo cung ứng cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, phục vụ nhu cầu xuất khẩu lao động.

1.5 Thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư

Công tác cải cách hành chính nói chung và thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư nói riêng đã được lãnh đạo tỉnh cũng như các cấp các ngành của Nghệ An đặc biệt quan tâm chú trọng cả về chuyển biến nhận thức cũng như hành động, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư. Cụ thể, tỉnh đã ban hành, triển khai thực hiện

một số quy định liên quan như: Thực hiện cơ chế "một cửa" tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp, các ngành để giải quyết các thủ tục hành chính nhanh gọn và tiết kiệm hơn; UBND tỉnh đã ban hành các Quyết định: số 2329/QĐ-UBND ngày 17/06/2008 về Kế hoạch thực hiện đề án đơn giản hoá thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007-2010 của Thủ tướng Chính Phủ (gọi tắt là Đề án 30), Quyết định số 3382/QĐ-UBND ngày 01/08/2008 về việc thành lập tổ công tác thực hiện đề án đơn giản hoá thủ tục hành chính, Quyết định số 4367/QĐ-UBND ngày 06/10/2008 về việc ban hành kế hoạch tuyên truyền thực hiện Đề án 30. Chỉ thị số 24/2008/CT-UBND ngày 17/11/2008 của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh thực hiện Đề án 30 và nhiều văn bản hướng dẫn, chỉ đạo khác đẩy mạnh việc phân công, phân cấp cho cấp dưới, nhất là về công tác tổ chức, cán bộ, quản lý đầu tư và xây dựng. Ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ công chức, viên chức theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 02/03/2007 của UBND tỉnh. Thực hiện phân công, phân cấp trong quản lý đầu tư và xây dựng theo Quyết định số 104/2007/QĐ-UBND ngày 19/09/2007. Tiến hành rà soát bổ sung, sửa đổi và xây dựng cơ chế chính sách phù hợp với quy định của pháp luật và các cam kết quốc tế mà VN là thành viên. Ban hành các chủ trương, biện pháp để đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về quản lý đầu tư, kinh doanh, đất đai, xây dựng như: Thực hiện cơ chế "một cửa liên thông" tại Sở Kế hoạch & Đầu tư trong đăng ký kinh doanh từ ngày 01/06/2007 theo Quyết định số 59/2007/QĐ-UBND ngày 23/05/2007 của UBND tỉnh; Quyết định số 07/QĐ-BQL.ĐT ngày 29/03/2007 về Quy chế tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo cơ chế xử lý "một cửa liên thông" cho các dự án đầu tư vào KKT Đông Nam và các KCN tập trung. Thực hiện Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Quyết định số 147/2007/QĐ-UBND ngày 19/12/2007 của UBND tỉnh Nghệ An.

1.6 Xúc tiến thu hút đầu tư

Nghệ An đã chú trọng đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư bằng nhiều hình thức khác nhau để tăng cường thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Giai đoạn 2006-2010, Nghệ An đã cấp giấy chứng

nhận đầu tư cho 266 dự án/93.215 tỷ đồng so với 103 dự án/ 27.843 tỷ đồng của cả giai đoạn 2001-2005 (đạt 334,8 % về vốn đăng ký). Trong đó:

- Đầu tư trong nước: Thu hút được 246 dự án đầu tư trong nước/72.143 tỷ đồng vốn đăng ký đầu tư so với 83 dự án/ 24.810 tỷ đồng của giai đoạn 2001-2005 (đạt 290,78 % vốn đăng ký). Một số dự án lớn, có khả năng đóng góp ngân sách lớn và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế như dự án chăn nuôi bò sữa và chế biến công nghiệp tập trung (6.300 tỷ đồng), Dự án thủy điện Bản Vẽ 320 MW (4.763 tỷ đồng), Thủy điện Hủa Na 180 MW (4.255 tỷ đồng), đã có 64 dự án/5.849 tỷ đồng đã hoàn thành và đi vào hoạt động. Vốn thực hiện của các dự án đăng ký đầu tư giai đoạn này là 15.033 tỷ đồng, đạt 20,84% vốn đăng ký.

- Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Tính từ năm 2006-2010, có 20 dự án FDI/21.072 tỷ đồng vốn đăng ký (tương đương 1.109 triệu USD) so với 20 dự án/3.024 tỷ đồng (160 triệu USD) của giai đoạn 2001-2005. Tuy số lượng các dự án FDI không tăng so với giai đoạn 2001-2005, nhưng số vốn đăng ký tăng vượt bậc so với giai đoạn trước (tăng gấp 7 lần). Trong đó, dự án sản xuất sắt xộp của Công ty thép Kobe Nhật có quy mô lớn với số vốn đầu tư 1 tỷ USD.

- Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA): Trong giai đoạn 2006-2010, đã tranh thủ, vận động được nguồn tài trợ ODA là 20 dự án/2.193,69 tỷ đồng vốn tài trợ, so với 11 dự án/1.199 tỷ đồng giai đoạn 2001-2005. Bên cạnh đó, có 7 dự án khác cũng đang được đưa vào danh mục vận động, đã được các nhà tài trợ quan tâm lớn, cần tiếp tục đẩy mạnh quá trình vận động, kêu gọi tài trợ.

- Tài trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (NGO): Bên cạnh nguồn vốn tài trợ phát triển chính thức, một nguồn vốn tài trợ quốc tế khác do các tổ chức phi chính phủ nước ngoài - NGO tài trợ. Nguồn vốn này tuy nhỏ, không liên tục nhưng nó đã đóng góp vào quá trình khắc phục khó khăn và cải thiện điều kiện sống của người dân tại vùng hưởng lợi khá hiệu quả. Nguồn vốn này đặc biệt có ý nghĩa tại các huyện miền núi cao, vùng sâu, vùng xa, với quy mô đầu tư nhỏ, trước mắt chưa nằm trong "tầm ngắm" của các dự án thuộc nguồn vốn tài trợ phát triển chính thức.

Tính chung trong giai đoạn 2006-2010, tỉnh Nghệ An có 60 dự án/14.287.669 USD. Trong đó có 43 dự án đã kết thúc trước năm 2010 với số thực hiện 7.540.685 USD, 14 dự án chuyển tiếp qua năm 2010 với tổng vốn cam kết 3.306.243 USD, giải ngân 31,72 tỷ đồng, đạt 59,97% vốn cam kết và 3 dự án bắt đầu vào năm 2010 với số vốn cam kết lên tới 55,051 tỷ đồng và đã giải ngân được 1,920 tỷ đồng. Các dự án trên do các NGO có quan hệ lâu đời với Nghệ An như Oxfam Hồng Kông, Oxfam Bỉ, CRS Mỹ, ANESVAD Tây Ban Nha, SODI Đức, Orbis Quốc tế... tài trợ.

2. Những hạn chế và nguyên nhân về môi trường đầu tư tỉnh Nghệ An

2.1 Những hạn chế

- Về cơ sở hạ tầng

Công tác quy hoạch cơ sở hạ tầng yếu, dự án chưa chuẩn bị hoặc chuẩn bị chưa đạt chất lượng, thiếu vốn, chưa có cơ chế thu hút vốn tư nhân đầu tư vào cơ sở hạ tầng hoặc có nhưng không đồng bộ... khi xây dựng cơ sở hạ tầng rồi thì tính đồng bộ quá yếu kém, làm hiệu quả dự án bị giảm đi, gây khó khăn cho các nhà đầu tư. Tỉnh Nghệ An đã có đầy đủ các loại hình cơ sở hạ tầng như giao thông, cảng biển, điện, nước, bưu chính viễn thông, KKT và các KCN... nhưng đi sâu phân tích thì chất lượng của từng loại hình đều yếu và không đồng bộ, chưa có loại hình nào là hoàn chỉnh. Đặc biệt, hạ tầng KKT và các KCN tập trung, KCN nhỏ, đa số mới chỉ dừng lại ở mức độ quy hoạch chung, chưa xây dựng các hạ tầng kỹ thuật thiết yếu. Nhà đầu tư khi đầu tư vào KKT và các KCN tập trung, KCN nhỏ hầu hết phải tiến hành công tác giải phóng, đền bù và san lấp mặt bằng, đầu tư hệ thống điện, nước, hệ thống xử lý nước thải... điều này gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp và nhà đầu tư trong việc triển khai thực hiện dự án.

- Về quản lý và thủ tục hành chính

Công tác cải cách thủ tục hành chính mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu và thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư và doanh nghiệp. Việc triển khai thực hiện có lúc, có nơi vẫn còn tình trạng những nhiễu gây khó khăn đối với các nhà đầu tư. Đối với các dự án đầu tư ngoài các KKT và các KCN, mặc dù

tỉnh đã cố gắng để ban hành quy trình xử lý hồ sơ cho nhà đầu tư theo “cơ chế một cửa liên thông” theo mô hình của nhiều địa phương khác trong cả nước đã và đang áp dụng, nhưng đến nay tỉnh vẫn chưa ban hành được, điều này làm cho các nhà đầu tư phải đi lại nhiều nơi nhiều lần. Ví dụ, liên quan đến địa điểm, thuê đất nhà đầu tư phải làm việc với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên & Môi trường, UBND các huyện, sau đó mới đến làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho nhà đầu tư tại Sở Kế hoạch & Đầu tư. Các Sở, ban, ngành khác chưa phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch & Đầu tư để giải quyết các yêu cầu của nhà đầu tư. Giải phóng mặt bằng, đền bù tái định cư còn gặp nhiều khó khăn là nguyên nhân quan trọng nhất làm ách tắc quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Về hệ thống thông tin

Thông tin về đầu tư, lựa chọn đối tác đầu tư chưa công khai, minh bạch. Tài liệu cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư không đầy đủ. Chưa cung cấp được các thông tin thực sự cần thiết và đáp ứng các yêu cầu của nhà đầu tư. UBND tỉnh và các ngành đã có hệ thống các trang web, nhưng các thông tin không đầy đủ hoặc thiếu tính cập nhật thường xuyên. Đặc biệt là chưa có trang web nào có ngôn ngữ tiếng Anh (chưa nói đến các ngôn ngữ khác).

- Về lao động

Nghệ An là tỉnh có dân số đông, số lượng lao động bổ sung vào nguồn hàng năm lớn (mỗi năm có từ 3,5-4 vạn người đến độ tuổi lao động bổ sung vào nguồn). Tuy nhiên, cũng như thực trạng chung của cả nước, chất lượng lao động thấp (lực lượng lao động chưa qua đào tạo còn chiếm tỷ trọng lớn, lao động có chuyên môn và tay nghề cao còn ít, năng suất thấp; thiếu đội ngũ công nhân lành nghề, thợ bậc cao...), cơ cấu ngành nghề chưa hợp lý, chưa phù hợp với nhu cầu của các doanh nghiệp.

- Về thu hút đầu tư

Thu hút đầu tư chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh, số lượng dự án và quy mô vốn đăng ký còn ở mức khiêm tốn so với các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ, bình quân cả nước. Nhiều dự án có quy mô nhỏ, ít sử dụng công nghệ hiện đại, hiệu quả kinh tế - xã hội (đóng góp ngân sách, tạo việc làm

mới, thu nhập cho người lao động, sản phẩm mới đột phá để chuyển dịch cơ cấu kinh tế) chưa cao.

Cơ cấu dự án đăng ký của các nhà đầu tư còn chưa phù hợp với định hướng thu hút đầu tư của tỉnh. Các dự án đầu tư chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực như bất động sản, thủy điện, khoáng sản. Rất ít dự án đầu tư vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp, các dự án sử dụng nhiều lao động và đóng góp ngân sách lớn.

Số lượng các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng không đáng kể. Ngoài dự án sản xuất sắt xộp Kobe Nhật có quy mô lớn thì phần lớn các dự án FDI vào tỉnh là các dự án có quy mô nhỏ. Bình quân vốn đăng ký 130,05 tỷ đồng cho 1 dự án FDI. Hầu hết các dự án triển khai chậm, một số dự án không triển khai như: Trung tâm dạy tiếng Hàn Quốc-DS Power International VN; lắp đặt hệ thống thiết bị sản xuất chả cá Surimi đông lạnh; sản xuất, lắp ráp điện thoại di động và máy vi tính.

Tỷ lệ vốn thực hiện/vốn đầu tư đăng ký đạt còn thấp: Tỷ lệ vốn thực hiện của các dự án ước đạt 15,6 %. Một số dự án sau khi được cấp giấy chứng nhận đầu tư không triển khai hoặc triển khai chậm tiến độ so với cam kết: Nhà máy xi măng Đô Lương; Liên doanh sản xuất và lắp ráp điện thoại di động Cửa Lò; khu đô thị Cửa Tiền - Vinh Tân (Công ty CP Danatol) ...

Công tác vận động, xúc tiến đầu tư còn hạn chế: Thông tin tài liệu xúc tiến đầu tư, trang web chưa đầy đủ và thiếu tính cập nhật, chưa chủ động tìm kiếm đối tác để xúc tiến đầu tư, chưa triển khai được dịch vụ hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp; chất lượng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh chưa cao. Mặc dù, UBND tỉnh đã ban hành danh mục các dự án kêu gọi đầu tư. Tuy nhiên, các dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư chiếm tỷ lệ rất ít so với danh mục dự án kêu gọi đầu tư, đa số đều do chủ đầu tư đề xuất. Điều này chứng tỏ việc ban hành danh mục dự án kêu gọi đầu tư chưa thực sự bám sát, khai thác hết tiềm năng và lợi thế của tỉnh. Hầu hết dự án trong danh mục kêu gọi đầu tư chưa xác định được vị trí rõ ràng, cụ thể, không có thông tin chi tiết.

Quản lý nhà nước về đầu tư còn nhiều bất cập: Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện dự

án chưa tốt, số liệu thống kê không đầy đủ, thiếu tính chính xác; xử lý khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư chưa kịp thời; sự phối hợp giữa một số ngành và địa phương với Sở Kế hoạch & Đầu tư trong việc báo cáo, đề xuất công tác xúc tiến đầu tư chưa tốt. Thời gian báo cáo chậm so với quy định (thậm chí nhiều cơ quan không thực hiện chế độ báo cáo định kỳ), chất lượng báo cáo chưa cao.

2.2 Nguyên nhân của những hạn chế

- Nguyên nhân khách quan

Lợi thế cạnh tranh về thị trường, địa điểm kinh tế trong thu hút đầu tư của Nghệ An không bằng các địa phương khác, chưa thật hấp dẫn các nhà đầu tư như các trung tâm kinh tế lớn, các cực tăng trưởng của cả nước: Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng. Dân số đông, nhiều dân tộc, điều kiện tự nhiên khó khăn (miền núi rộng lớn, có địa hình phức tạp, 2/3 diện tích là đồi núi, khí hậu khắc nghiệt, thường xuyên xảy ra lũ lụt và thiên tai), nền kinh tế vẫn chủ yếu là nông nghiệp, xuất phát điểm thấp, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Hệ thống cơ sở hạ tầng và dịch vụ của tỉnh Nghệ An phát triển chậm, chưa đồng bộ (giao thông, cấp nước, điện, các dịch vụ công, không có cảng nước sâu, sân bay quốc tế), nhất là hạ tầng KKT và các KCN tập trung. Chi phí đầu tư cao và mức tiêu thụ của thị trường chưa lớn. Môi trường đầu tư và môi trường xã hội nhân văn chưa thực sự thông thoáng.

Thực tế cho thấy, các nhà đầu tư trong khi lựa chọn địa điểm để triển khai dự án đầu tư thường tập trung vào những nơi có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuận lợi. Do đó, các thành phố lớn, những địa phương có cảng biển nước sâu, cảng hàng không, các tỉnh đồng bằng có lợi thế nhiều hơn trong thu hút các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án đầu tư nước ngoài.

- Nguyên nhân chủ quan

Nhận thức về môi trường đầu tư, tầm quan trọng của việc cải thiện môi trường đầu tư đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương còn chưa đầy đủ, sâu sắc. Tính đồng thuận trong công tác xúc tiến, vận động và thu hút đầu tư của các cấp ủy, đảng, chính quyền và nhân dân vùng dự án chưa cao. Công tác lập quy hoạch chưa tốt, chưa đồng bộ. Đặc biệt là quy hoạch sử dụng đất, quy

hoạch ngành, lĩnh vực, quy hoạch địa điểm xây dựng. Vẫn còn tình trạng quy hoạch xây dựng không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, chồng lấn trong cấp phép khai thác khoáng sản; trùng lặp trong khảo sát, lựa chọn địa điểm, quy hoạch vùng nguyên liệu gắn với dự án đầu tư còn lúng túng; tình hình cải cách thủ tục hành chính mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng nhìn chung vẫn chưa tốt, chưa đáp ứng được mục tiêu đặt ra: nhà đầu tư vẫn phải đi lại nhiều lần, nhiều cơ quan vì còn nhiều thủ tục hành chính; thời gian xử lý còn kéo dài do một số cán bộ, chuyên viên chưa thạo việc gây lúng túng cho nhà đầu tư; việc giải quyết, xử lý dứt điểm các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện dự án cho nhà đầu tư còn chậm và chưa triệt để. Chưa tạo ra được quỹ đất sạch để vận động thu hút đầu tư. Chưa thành lập được tổ chức phát triển quỹ đất để giao đất sạch cho nhà đầu tư. Công tác giải phóng mặt bằng thực hiện chậm. Hơn nữa, ngân sách tỉnh còn eo hẹp, thu chưa đủ chi thường xuyên nên chưa có nguồn vốn đầu tư đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng. Thu hút khu vực tư nhân vào đầu tư cơ sở hạ tầng còn rất ít.

3. Giải pháp cải thiện môi trường đầu tư tỉnh Nghệ An trong thời gian tới

- **Một là**, về quy hoạch: Làm tốt công tác xây dựng quy hoạch và quản lý quy hoạch, đặc biệt là quy hoạch sử dụng đất chi tiết, quy hoạch của các địa phương, quy hoạch ngành và các sản phẩm chủ yếu trên cơ sở quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế xã hội đến năm 2020 đã được phê duyệt, rà soát điều chỉnh cho phù hợp và kịp thời đối với các quy hoạch đã lạc hậu, bổ sung các quy hoạch còn thiếu, phát sinh, có kế hoạch cụ thể để thực hiện các quy hoạch đã được duyệt. Công bố rộng rãi các quy hoạch đã được phê duyệt, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng cho các dự án đầu tư, rà soát, kiểm tra, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất một cách hiệu quả nhằm đảm bảo phát triển kinh tế và môi trường bền vững.

- **Hai là**, cải thiện cơ sở hạ tầng: Tiến hành tổng rà soát, điều chỉnh, phê duyệt và công bố các quy hoạch về kết cấu hạ tầng đến năm 2020, ưu tiên đầu tư hạ tầng KKT, các KCN tập trung, các lĩnh vực cảng biển, sân bay, đường giao thông,

cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường (xử lý chất thải rắn, nước thải...); nâng cao chất lượng dịch vụ đường sắt và các dự án lĩnh vực bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin. Cần điều chỉnh chính sách phân bổ vốn đầu tư của ngân sách: Việc bố trí các nguồn vốn đầu tư ngân sách của Nghệ An cho phát triển hạ tầng trên địa bàn cần tập trung vào những khâu, những công trình then chốt mà các thành phần kinh tế khác không có khả năng đầu tư hoặc không muốn đầu tư vì đòi hỏi vốn lớn hoặc thời gian hoàn vốn dài. Cần đẩy mạnh xã hội hoá trong khu vực cung ứng dịch vụ công nhằm gia tăng sự tham gia của khu vực tư nhân vào đầu tư cơ sở hạ tầng bằng việc xây dựng những định chế ổn định và khuôn khổ pháp lý thích hợp. Nghệ An cần khuyến khích việc đầu tư theo hình thức BT, BOT, BTO... để gia tăng sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân vào đầu tư cơ sở hạ tầng.

- **Ba là**, phát triển các thể chế công và cải cách thủ tục hành chính: Triển khai thực hiện tốt và giám sát việc thực hiện Luật đầu tư, Luật doanh nghiệp, Luật đất đai, Luật xây dựng, Luật môi trường... tích cực cải thiện môi trường pháp lý bằng cách nhanh chóng giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực thi luật và các văn bản hướng dẫn liên quan, nhất là các quy định còn thiếu, chưa rõ ràng và chưa nhất quán giữa các văn bản hướng dẫn thi hành luật. Triển khai thực hiện cơ chế “một cửa liên thông” trong xử lý hồ sơ của nhà đầu tư. Tạo sự phối hợp đồng bộ giữa các Sở, ban, ngành có liên quan nhằm rút ngắn thời gian đi lại quan hệ công việc của nhà đầu tư; thời gian cấp giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, quy trình giải tỏa, bồi thường, cho thuê đất, đánh giá tác động môi trường, đăng ký phòng cháy chữa cháy, vay vốn tín dụng ngân hàng... được sớm hơn so với quy định chung; quy trình thủ tục phải thực sự đơn giản nhất, thời gian đi lại ít nhất, thời gian xử lý nhanh nhất nhằm tạo môi trường đầu tư thông thoáng. Nâng cao năng lực xử lý và giải quyết công việc của cán bộ các cơ quan có liên quan, đặc biệt là đội ngũ cán bộ giao dịch tại trung tâm một cửa, cán bộ tham mưu, xử lý hồ sơ.

- **Bốn là**, đào tạo nguồn nhân lực: Tăng cường đào tạo, nhất là đào tạo nghề với sự tham gia của

các tổ chức trong và ngoài nước nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu lao động kỹ thuật cao của nhà đầu tư. Phát triển hệ thống dạy nghề đa cấp (sơ cấp, trung cấp và cao đẳng nghề), chuyển từ dạy nghề trình độ thấp sang trình độ cao nhằm nâng cao chất lượng lao động, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Nghiên cứu, dự báo nhu cầu lao động cả về số lượng, cơ cấu ngành nghề để có kế hoạch đào tạo phù hợp, đáp ứng nhu cầu lao động của các dự án đầu tư. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, chuẩn hoá giáo viên dạy nghề trên cơ sở đủ về số lượng, giỏi về chuyên môn. Thu hút cán bộ đào tạo trẻ, giỏi và có kế hoạch đào tạo lại, nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên dạy nghề. Đổi mới nội dung chương trình dạy theo hướng đào tạo kiến thức, kỹ năng thực sự cần thiết, tăng cường kiến thức thực tế, kỹ năng thực hành phù hợp với yêu cầu sử dụng của các doanh nghiệp. Nội dung đào tạo phải phù hợp với yêu cầu sản xuất, thị trường lao động và đáp ứng sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật.

- **Năm là**, nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư: Nghiên cứu và có chính sách vận động thu hút đầu tư các đối tác, nhà đầu tư trọng điểm phù hợp với định hướng thu hút đầu tư của tỉnh như các quốc gia thành viên EU, Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, Singapore... Hoàn thiện các tài liệu xúc tiến đầu tư đảm bảo yêu cầu thông tin đầy đủ và cập nhật, đẹp về hình thức. Nâng cao chất lượng các danh mục dự án kêu gọi đầu tư, kèm theo xây dựng thông tin chi tiết về dự án đối với từng dự án. Quảng bá thông tin về môi trường đầu tư của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương và địa phương. Trong đó, chú trọng việc quảng bá và cập nhật thông tin trên mạng Internet. Tăng cường tính chủ động và phối hợp giữa các Sở, ban, ngành và địa phương trong hoạt động xúc tiến đầu tư. Trong đó, Sở Kế hoạch & Đầu tư (Trung tâm xúc tiến đầu tư và tư vấn phát triển) là cơ quan đầu mối (đối với các dự án ngoài KKT và các KCN tập trung), Ban quản lý KKT Đông Nam là cơ quan đầu mối (đối với các dự án trong KKT và các KCN tập trung).

- **Sáu là**, về quản lý nhà nước: Phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ban, ngành và địa phương liên quan cũng như với các cơ quan trung ương trong việc cấp phép và quản lý các dự án đầu tư. Tăng

cường năng lực, đào tạo bồi dưỡng cán bộ làm công tác quản lý dự án đầu tư. Nâng cao năng lực thực thi và hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư của các cơ quan chức năng. Chú trọng việc thẩm tra chặt chẽ các dự án đầu tư, chọn lựa được các đối tác tin cậy, đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện dự án đầu tư. Duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên giữa lãnh đạo tỉnh, các Sở, ban, ngành với các nhà đầu tư để xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh đảm bảo các dự án hoạt động hiệu quả, nhằm tiếp tục củng cố lòng tin của các nhà đầu tư đối với môi trường đầu tư kinh doanh tại Nghệ An, tạo hiệu ứng lan tỏa và tác động tích cực tới nhà đầu tư mới. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, pháp luật về đầu tư. Theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện các dự án ký cam kết đầu tư, các dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư. Xử lý dứt điểm các dự án triển khai chậm tiến độ hoặc không triển khai thực hiện■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS.TS. Dương Thị Bình Minh, PGS.TS. Sử Đình Thành & TS. Hà Thị Ngọc Oanh (2010), "Môi trường đầu tư thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại TP.HCM", Tạp chí *Phát triển kinh tế* số tháng 4/2010.
2. Sở Kế hoạch & Đầu tư Nghệ An, *Báo cáo tình hình thu hút đầu tư, các năm 2006, 2007, 2008, 2009, 10 tháng đầu năm 2010*.
3. Sở Kế hoạch & Đầu tư Nghệ An, *Kế hoạch xúc tiến đầu tư giai đoạn 2011-2015*.
4. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An (2010), *Các chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An*.
5. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An, *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011 - 2015*.
6. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An (2008), *Ngân hàng dữ liệu về môi trường đầu tư tỉnh Nghệ An*.
7. Thủ tướng Chính phủ, *Quyết định số 197/2007/QĐ - TTg ngày 28/12/2007 về việc Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An đến năm 2020*.
8. Website: Cổng thông tin điện tử tỉnh Nghệ An (www.nghean.gov.vn), Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Nghệ An (www.khdtnghean.vn).
9. World Bank (2004), Người dịch Vũ Cương & ctg, *Báo cáo phát triển thế giới 2005 - Môi trường đầu tư tốt hơn cho mọi người*, NXB Văn Hóa - Thông tin, Hà Nội.